

# Tôn giáo và văn hóa

(Tiếp theo kỳ trước...)

GS.TS. ĐỖ QUANG HÙNG\*

Gần đây cuốn Thượng đế và khoa học (Dieu et la science) của J. Guilton (Viện sĩ Hàn lâm Pháp); G. Bordanor (Nga) là một hiện tượng như thế. J. Guilton dựa ý của L. Pasteur "ít khoa học đưa xa Thiên Chúa, càng nhiều khoa học, càng về với Thiên Chúa", để đề cập đến 9 sự kiện lớn nhất trong mối quan hệ này:

- 1- Vụ nổ Big Bang.
- 2- Huyền bí của sự sống.
- 3- Ngẫu nhiên hay tất yếu.
- 4- Đi tìm vật chất.
- 5- Các trường của hiện thực.
- 6- Tinh thần trong vật chất.
- 7- Các vũ trụ khác nhau.
- 8- Theo hình ảnh Thượng Đế.
- 9- Tiến tới siêu duy thực.

Chủ đích của Guilton rõ ràng là muốn khẳng định tư tưởng của Pasteur, nghĩa là tôn giáo không những không mâu thuẫn với khoa học mà ngược lại nó còn là một tác nhân cho sự tiến triển của khoa học. Đây quả là một vấn đề nhận thức có tính triết học và tư tưởng phức tạp mà chúng ta không dễ kết luận. Chúng tôi cho rằng, nghiên cứu của Guilton ít nhất có "hạt nhân hợp lý" ở chỗ, nhiều khi nhận thức, phương pháp tư duy và đức tin tôn giáo cũng có giá trị rất quan trọng trong việc đề ra những "mệnh đề khoa học", thậm chí những lý giải khoa học theo nhãn giới của thần học cũng tạo

nên những "gợi ý" khoa học tốt và hơn hết là những mục tiêu nhân văn cùng những động lực trong hành trình tri thức của nhân loại.

Gần đây có một cuộc tọa đàm đặc biệt của 200 nhà nghiên cứu vật lý và thiên văn hàng đầu thế giới (ngày 6 đến 11/8/2004 tại Hà Nội), do Viện sĩ Nguyễn Văn Hiệu và GS Anton Trần Thanh Vân (Đại học Paris 11) đồng chủ tọa, với sự có mặt của nhiều nhà khoa học tên tuổi, đặc biệt là GS Trịnh Xuân Thuận (Đại học Virginia, nhà thiên văn học rất nổi tiếng và quen thuộc với bạn đọc Việt Nam) cũng có mặt...

Mối quan hệ giữa tôn giáo và khoa học đôi khi rất tế nhị. Chẳng hạn, trở lại vấn đề nguồn gốc sự sống, sự hình thành con người... ngày hôm nay nhân quan của các trí thức tôn giáo cũng đã có nhiều sự thay đổi, họ không hoàn toàn lệ thuộc vào cái nhìn của chủ nghĩa Toàn thống (Fundamentalisme), nghĩa là, trong trường hợp là người Kitô giáo thì phải đọc Kinh thánh và hiểu nó theo nghĩa đen của văn bản. Theo đó, nhiều học giả từ các tôn giáo nguyên thủy, Ấn giáo (Kinh Upanishad), Phật giáo, Do Thái giáo, Hồi giáo, Kitô giáo... đã đi đến kết luận: Các tôn giáo đều quan tâm đến nguồn gốc sự sống. Và đều cho nó thiêng liêng cả khi quy chiếu đến cái nguyên lý thần thánh khác nhau! Các tôn giáo độc thần có khuynh hướng đặt con người lên bệ cao so với các giống loài khác...<sup>1</sup>.

Có một phương diện khác, vấn đề tâm linh trong mối quan hệ khoa học và tôn giáo cũng

\* VIỆN NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO

là một câu chuyện lớn hiện nay đối với nhân loại khi bước vào thế kỷ XXI mà chúng tôi muốn đề cập trong một dịp khác. Ở đây chỉ xin giới hạn, coi "vấn đề tâm linh" như là vấn đề cận tôn giáo, nhưng rất liên quan đến "văn hóa tôn giáo" hiện nay: phát triển tâm linh trong một thế giới "duy vật".

R. Assagioli (1888-1974), người Italia, cho rằng: "hiểu theo nghĩa rộng nhất của nó, từ "tâm linh" (mà ông gọi là "siêu cá nhân") bao gồm không chỉ những thể nghiệm tôn giáo đặc thù, mà còn bao gồm tất cả các trạng thái ý thức, tất cả các chức năng và hoạt động có quan hệ với những giá trị cao hơn những chuẩn mực đã được chấp nhận, dù đó là những giá trị đạo đức, mỹ học, anh hùng, nhân đạo hay vị tha"<sup>2</sup>.

Theo chúng tôi, trong khi chúng ta còn vất vả tìm một định nghĩa về tâm linh, vẫn phải thừa nhận một thực tế vai trò của tâm linh trong đời sống tôn giáo và xã hội nhân loại đầu thế kỷ XXI, như Malreaux đã từng tiên đoán: "Thế kỷ XXI là thế kỷ của tâm linh hoặc sẽ chẳng là gì cả". Về phương diện văn hóa tôn giáo, yếu tố tâm linh đã và đang đem lại những sắc thái mới trong đời sống văn hóa của nhân loại, cả trong đời sống văn hóa cộng đồng và của mỗi cá nhân. Đồng thời nó cũng đặt ra những vấn đề khoa học có tính vĩ mô và bản thể luận, những câu hỏi mà loài người đã từng đặt ra từ lâu nay trở lại với những tầng cấp nhận thức và tâm lý mới: Thế giới bên kia là thế nào? Linh hồn là có thực và là một dạng của vật chất? Có một cuộc sống sau cõi chết?... Ở nước ta, riêng câu chuyện "tìm mộ liệt sĩ", "Thánh vật" ở sông Tô Lịch... những năm gần đây cũng đủ thấy ý nghĩa phức tạp trong nhận thức xã hội liên quan đến vấn đề này.

Như vậy, mối quan hệ giữa tôn giáo và văn hóa đã có một diễn tiến lịch sử lâu dài, sâu sắc, những thăng trầm, phản ánh những phương diện rất cơ bản về lịch sử nhận thức của nhân loại.

Dường như khi tôn giáo mới xuất hiện- một hình thái ý thức mới mẻ, đặc biệt cũng như một thực tại xã hội cũng hết sức độc đáo ra đời- con người dường như không có khả năng phân biệt giữa "tôn giáo", "văn hóa tôn giáo" và "văn hóa". Một thời gian dài trong lịch sử vì không bóc tách được những khái niệm, những không

gian xã hội và văn hóa có vẻ như đồng nhất cả ba khái niệm trên nên mối quan hệ này có vẻ rất "đơn giản": yếu tố thần linh, siêu nhiên bao trùm mọi yếu tố trần thế.

Đến một giai đoạn phát triển nhất định, con người có thể phân biệt được cõi trần tục và cõi siêu nhiên, thần linh, nhưng trong giai đoạn ấy yếu tố "văn hóa tôn giáo" vẫn ngự trị.

Chỉ khi sự phát triển của văn minh nhân loại đã đến độ trưởng thành, ít nhất từ cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ nhất đến nay, cùng với các cuộc cách mạng tư sản Âu- Mỹ, con người mới dần dần có ý thức về một nền "văn hóa thế tục", thậm chí loài người tiến bộ còn có tham vọng đưa nền "văn hóa thế tục" lên địa vị phổ quát, chính thống, ngày càng loại bỏ yếu tố "văn hóa tôn giáo", xem nó như một động lực văn hóa, xã hội và nhận thức.

Ngày nay, khi bước vào thế kỷ XXI, khi loài người dường như lại bước vào "một kỷ nguyên tâm linh" (dù rằng về mặt văn minh, đã và đang ở thời đại hậu công nghiệp và toàn cầu hóa), một lần nữa dường như loài người lại phải xem xét mối quan hệ giữa tôn giáo và văn hóa một lần nữa. Có vẻ như trong vài thập kỷ gần đây, một phương thức ứng xử mới trên cơ sở một nhận thức mới về mối quan hệ này đã hình thành: một nền "văn hóa thế tục" vẫn là cần thiết nhưng không thể loại bỏ những yếu tố tốt đẹp, cần thiết của những truyền thống "văn hóa tâm linh", "văn hóa tôn giáo". Đặc biệt, trong việc giải quyết vấn đề con người, cá nhân thì quan điểm mới này lại càng trở nên cần thiết.

## **Phần II: Văn hóa tôn giáo và đời sống văn hóa ở nước ta hiện nay**

### *2.1- Mấy đặc điểm về mối quan hệ này trong đời sống văn hóa ở nước ta*

2.1.1- Mặc dù người Việt Nam có một "hệ thống tôn giáo" phong phú lâu đời, đa dạng nhưng về mặt "tâm thức tôn giáo" (religieux) thì người Việt Nam lại thuộc số những dân tộc không có ý thức tôn giáo sâu đậm và thái độ cực đoan tôn giáo.

Đặc điểm này hết sức quan trọng. M. Weber trong tác phẩm nổi tiếng Xã hội học tôn giáo<sup>3</sup> có nhận xét rằng, mặc dù văn minh Trung Quốc lâu đời và người Trung Quốc cũng góp vào thế giới những tôn giáo đặc biệt độc đáo của mình như Đạo giáo (còn gọi là Lão giáo), nhưng với người Trung Quốc thì "tôn giáo có

ảnh hưởng nhất lại là thứ tôn giáo thơ lại" (tức Khổng giáo, hoặc Nho giáo, một thứ "tôn giáo vô thần") và về mặt tâm thức tôn giáo người Trung Quốc rất "bàng bạc", coi trọng yếu tố vô thần bên cạnh sự tôn trọng các giá trị tâm linh như những phong tục nếp sống... Max Weber cũng đã phân hai loại hình tôn giáo đó là loại hình tôn giáo xuất thế có khuynh hướng "chống đối trần gian" như Khổng giáo, Lão giáo (đối lập với sự phát triển về kinh tế) và loại hình tôn giáo nhập thế, tôn giáo xã hội như kiểu đạo Tin Lành có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế xã hội.

Trở lại trường hợp Việt Nam. Điều dễ thấy là, người Việt Nam có vẻ như cũng có thứ tâm thức tôn giáo ấy. Một mặt tâm thức tôn giáo ấy giúp người Việt Nam có thái độ cởi mở, mềm dẻo đón nhận nhiều luồng tôn giáo (đến nay có thể nói rằng, trừ Do Thái giáo, Chính Thống giáo là những tôn giáo lớn của nhân loại chưa chính thức có mặt ở Việt Nam còn gần như tất cả các tôn giáo lớn khác: Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo và Ấn giáo đã có mặt ở Việt Nam) mà còn có ý nghĩa quyết định trong việc người Việt Nam "sử dụng" các tôn giáo ấy. Hơn thế nữa, người Việt Nam cũng sớm có ý thức "Việt hóa" các tôn giáo ngoại nhập, đi liền quá trình kết hợp với "những tôn giáo tích hợp" (syncretisme) bản địa mới nảy sinh từ đầu thế kỷ XX, như Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo để tạo nên những giá trị văn hóa tôn giáo pha trộn một cách nhuần nhuyễn trong những giá trị chung của văn hóa dân tộc.

Hiện nay ở Việt Nam ngoài 6 tôn giáo chính: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, đã có hơn một chục tôn giáo mới được nhà nước công nhận từ 2006 trở lại đây (như Tịnh độ cư sĩ Phật hội, Tứ ân hiếu nghĩa, Bửu sơn kỳ hương, đạo Baha'i và nhiều hệ phái Tin Lành khác ngoài Hội thánh Tin Lành Việt Nam, thường gọi tắt là Tin Lành CMA), càng cho thấy sự phong phú của tính đa dạng (pluralisme) tôn giáo ở nước ta cũng như khả năng pha trộn văn hóa của các tôn giáo với văn hóa dân tộc.

Lỗi ứng xử này đã đem lại cho chúng ta những lợi thế về chính trị, văn hóa rất lớn. Nó đã góp phần không nhỏ cho việc đồng thuận dân tộc, truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái ổn định phát triển, trên căn bản, một

thứ chủ nghĩa dân tộc chân chính. Về mặt nghiên cứu, cũng có những vấn đề đặt ra còn phải tiếp tục trao đổi như trong lịch sử, nước ta đã bao giờ có một tôn giáo giữ vị thế quốc giáo hay chưa?<sup>4</sup> Hay một vấn đề liên quan đến văn hóa tôn giáo rất thú vị là: loài người trước thế kỷ XVI, từ Đông sang Tây đều giống nhau ở chỗ tôn giáo và nông nghiệp là mẫu số chung của các nền văn minh, hơn thế nữa, không một nền văn minh lớn nào lại không dựa trên một tôn giáo chủ lưu. Điều này được hiểu ở nước ta như thế nào khi chúng ta xem xét lịch sử mối quan hệ của các tôn giáo với tiến trình lịch sử văn hóa văn minh?<sup>6</sup>

Cho dù còn có những chỗ phải tranh luận<sup>6</sup>, nhưng chúng ta vẫn có thể kết luận rằng: phần lớn các tôn giáo, nhất là các tôn giáo quan trọng và có số lượng tín đồ đông đảo ở nước ta như Phật giáo, Công giáo, Cao Đài và Hòa Hảo, cho đến cả những tôn giáo có số lượng tín đồ không nhiều nhưng cũng có những vị thế độc đáo trong văn hóa dân tộc như Đạo giáo, Hồi giáo, không kể "tôn giáo đặc biệt" là Nho giáo đều có những vị trí xứng đáng của mình trong nền văn hóa Việt Nam đa dạng và giàu bản sắc.

2.1.2- Ở nước ta, trong mối quan hệ này, yếu tố nội sinh, bản địa và yếu tố du nhập, tiếp nhận/tiếp biến văn hóa mà ở đây là văn hóa tôn giáo là rất quan trọng và thường xuyên.

Điều dễ thấy là, qua hàng nghìn năm du nhập tam giáo, người Việt Nam đã thực hiện nguyên tắc này một cách khá thành thực. Ở Việt Nam rõ ràng có một đạo Phật lâu đời nhưng cũng đã chứa đựng những "tính cách Phật giáo Việt Nam" rất rõ nét (với hai đặc trưng cơ bản là Phật giáo bác học có vị trí khiêm tốn, trong khi đó, Phật giáo bình dân nổi trội. Lễ dĩ nhiên trong ba tông phái chính của Phật giáo Việt Nam: Bắc Tông, Nam Tông và Khất sĩ, tùy điều kiện mỗi hệ phái, tông phái mà thể hiện). Ngay Đạo giáo ở nước ta cũng như vậy. Đạo giáo Việt Nam không có tầng lớp đạo sĩ, cơ sở thờ tự đơn giản hòa trộn với Phật giáo và tôn giáo dân gian, ít có sự phân biệt giữa các tông phái Đạo giáo, coi trọng yếu tố ma thuật và chữa bệnh cá nhân...

Ngay với các tôn giáo độc thần phương Tây mới du nhập vài thế kỷ nay như Công giáo hoặc Tin Lành những thập kỷ gần đây cũng vậy. Dù

khó khăn đến mấy, tính cách “Việt hóa đạo” cũng đã thể hiện ở các tôn giáo này với các mức độ khác nhau, riêng với Công giáo là câu chuyện dài ngay trước Công đồng Vatican II (1962- 1965).

Cần thấy rõ đặc điểm này để khi chúng ta nghiên cứu các mối quan hệ cụ thể về tôn giáo và văn hóa, trong mỗi tôn giáo cụ thể, cần có cái nhìn tỉnh táo, bóc tách được những yếu tố bản địa và ngoại nhập...

Để thấy rõ những đặc điểm ấy, chúng tôi muốn đề cập đến ba trường hợp cụ thể: văn hóa Phật giáo, văn hóa Kitô giáo với Công giáo và Tin Lành.

2.2- Trường hợp Phật giáo: văn hóa Phật giáo đã trở thành thành tố của văn hóa Việt Nam

Thực sự, ở nước ta, ai cũng biết đạo Phật có vị thế đặc biệt như thế nào, điều đó không chỉ ở thời sung mãn là các triều đại Lý- Trần mà còn trải dài trong suốt lịch sử dựng nước và giữ nước. Nói như ngôn ngữ văn hóa học hiện đại thì, chúng ta đã có một nền văn hóa Phật giáo với cả hai bộ phận: văn hóa vật thể và phi vật thể, đồng thời đã lặn sâu trong cấu trúc của văn hóa Việt Nam và trở thành những thành tố đôi khi không phân biệt được đâu là văn hóa của nhà Phật, đâu là của “văn hóa thế tục”.

Hòa thượng Thích Mãn Giác đưa ra mô hình của văn hóa Phật giáo đại thể như sau:

+ Triết lý về đạo đức: (Khổng giáo quá cứng, Đạo giáo quá phóng túng) chỉ có Phật giáo hài hòa cả vũ trụ luận, cả con người... ảnh hưởng lớn đến tâm thức dân tộc.

+ Mỹ thuật, kiến trúc Phật giáo: An Nam tứ đại khí (Tháp Báo Thiên, Tượng chùa Quỳnh Lâm, Đỉnh Phổ Minh và Chuông Quy Điền), đến thêm 10 kỷ lục văn hóa Phật giáo Việt Nam (2006): Chùa Pháp Vân (Đâu) Bắc Ninh; Chùa Một Cột Hà Nội; Chùa Sùng Nghiêm (Chùa Mía) Hà Tây; Tượng Phật bằng đá ở chùa Vạn Phúc- Phật Tích (Bắc Ninh); Tượng Bồ Tát Quán Thế Âm ở chùa Bút Tháp (Bắc Ninh); Tượng Quán Thế Âm ở chùa Thánh Ân TP Hồ Chí Minh; Phật Thích Ca ở khu văn hóa Tràng An, Ninh Bình; Đại hồng chung chùa Cổ Lễ, Nam Định; Chuông Thanh Mai xưa nhất, Hà Tây; Quả cầu Như ý lớn nhất ở chùa Lân, Trúc Lâm, Yên Tử, Quảng Ninh.

+ Văn học Phật giáo: nhà in Chùa, hệ thống tác giả, văn bản... Nho sĩ cũng ảnh hưởng đến văn học Phật giáo.

+ Đạo đức lối sống: Ông Bụt; triết lý sống tu nhân tích đức, thuyết nhân quả...

Như vậy, có thể đưa ra nhận xét: Phật giáo Việt Nam đã Việt hóa theo hướng “văn hóa



Quán Đậu An- Hưng Yên - Ảnh: Quốc Vỹ

hóa"- một thứ "Phật giáo văn hóa". Cũng như chúng tôi đã nêu hai đặc điểm cơ bản nói trên của Phật giáo, khi nghiên cứu văn hóa Phật giáo, chúng ta cần hài hòa hai mục tiêu bác học và bình dân. Chúng ta có thể tiếp tục và cần phải nghiên cứu những vấn đề cơ bản của Phật pháp. Chẳng hạn tiếp tục nghiên cứu về Phật giáo thiền tông Việt Nam (Trúc Lâm Yên Tử, Tam tổ hành trạng, các nhân vật thiền tông, văn học Phật giáo Lý- Trần...), nhưng không thể bỏ qua những vấn đề cấp bách hôm nay. Chẳng hạn vấn đề hiện đại hóa Phật giáo ở nước ta, trong đó có vấn đề "tương lai của thiền học Việt Nam". Hiện nay hiện tượng thiền sư Thích Nhất Hạnh với tông phái "thiền tông Việt Nam hiện đại" (thậm chí đã và đang "quốc tế hóa") với những nguyên tắc tu tập kiểu mới đáng là một đề tài phải suy nghĩ.

Mặt khác, chúng ta cũng phải lưu tâm đến khía cạnh bình dân của văn hóa Phật giáo tạo ra cho dân tộc, cho sự hình thành và phát triển đạo đức con người Việt Nam. Tác phẩm Đạo đức học Đông Phương của Thích Mãn Giác nói trên có nhận xét về đạo đức Phật giáo với đạo đức học Đông phương đáng cho ta suy ngẫm ở chỗ này: "Bồ tát không mang mẫu người siêu việt nào cả, là một con người thế tục, mà ta đang hiểu, nhưng với một tinh thần siêu ngoại, một lý tưởng phi thường. Bồ tát cũng có thể thác sinh ở một địa vị thấp hèn của chúng sinh, ngoại trừ một điểm tâm Bồ Đề ra, chẳng có gì xa lạ với phàm phu tục tử... Con đường thể hiện lý tưởng của Bồ tát thật giản dị, Thiên đường hay Địa ngục cũng thế thôi. Chỉ có làm hay không làm. Cho nên hạnh của Bồ tát là không có hạnh nào nhưng cũng là muôn hạnh...". Vì thế, việc nghiên cứu đạo đức Phật giáo trong sự hình thành và phát triển đạo đức và nhân cách của người Việt cũng là một câu chuyện thú vị phải tiếp tục.

Mới đây, văn hóa Phật giáo chính thức nêu 4 kỷ lục (do Giáo hội Phật giáo Việt Nam công bố tháng 1 năm 2007 trong sách Kỷ lục Việt Nam Vietbooks 2006):

1- Hòa thượng Thích Minh Châu: người dịch Pali nhiều nhất, xấp xỉ 18000 trang.

2- Hòa thượng Thích Đức Tịnh: người dịch kinh Đại thừa nhiều nhất.

3- Lê Mạnh Thát: viết lịch sử Phật giáo, văn học Phật giáo... 14000 trang.

4- Hòa thượng Thích Viên Cảnh: Từ điển Phật học lớn nhất.

Đây cũng là những thông tin sống động về con đường hiện đại hóa Phật giáo trong văn hóa Việt Nam hôm nay, nhưng đồng thời chúng ta cũng vẫn coi nó như những sự kiện của văn hóa Việt Nam nói chung. Khi việc tu bổ tôn tạo Trúc Lâm Yên Tử (Quảng Ninh) hoàn thành, cũng gần đây là Tây Thiên Thiền Viện (Vĩnh Phúc), đã được đón nhận như những địa chỉ văn hóa du lịch Việt Nam đương đại.

Chúng tôi cũng muốn nói thêm rằng, cùng với sự ảnh hưởng ngày càng sâu rộng của Phật giáo sang các xã hội Âu- Mỹ, cùng việc thích ứng với 1 thế kỷ nhiều biến động và thách đố như hiện nay, thế kỷ mà người ta cần đến tâm linh hơn bao giờ hết, thì Phật giáo, lối sống Phật giáo đã và đang có sức hấp dẫn đặc biệt, nhất là với đời sống cá nhân. Tự giải thoát của nhà Phật có gì đó như một trong những giải pháp tối ưu hiện nay để con người tìm lại sự cân bằng, sự hài hòa giữa biến động về vật chất và thế giới tinh thần. Đây là lý do căn bản khiến cho vấn đề văn hóa Phật giáo ở nước ta hiện nay càng có sức cuốn hút với nhiều tầng lớp nhân dân, bất kể họ là Phật tử xuất gia hay cư sĩ, bất kể là Phật tử hay là những "quần chúng" của nhà Phật...

2.3- Văn hóa tôn giáo: trường hợp Công giáo

Mặc dù Đảng ta đã có sự đổi mới về nhận thức, quan điểm và chính sách về tôn giáo từ năm 1990 với Nghị quyết 24 nổi tiếng và với Nghị quyết Trung ương V về văn hóa (1998, khóa VIII), trong đó có nhấn mạnh đến việc khai thác và phát huy những giá trị văn hóa tôn giáo, nhưng xem ra đến nay với vấn đề "văn hóa Công giáo" vẫn còn nhiều khía cạnh nhận thức mà xã hội phải giải quyết.

Trước hết về phương diện lịch sử văn hóa, đây là một khoảng trống đã tồn tại từ lâu không dễ lấp đầy. Dù rằng đạo Công giáo đã có mặt ở Việt Nam trên dưới 500 năm nay, dù muốn hay không những thành tố của một nền "văn hóa Công giáo" cũng đã hiện rõ và có ảnh hưởng tới đời sống văn hóa dân tộc trên nhiều mặt. Hơn thế nữa, văn hóa Kitô giáo nói chung và Công giáo nói riêng thuộc số văn hóa tôn giáo có tính toàn cầu do vị thế lịch sử đặc biệt của nó. Kitô giáo từ lâu đã được coi là một trong

ba yếu tố tạo nên nền văn minh châu Âu. Riêng với nước ta, ít nhất từ nửa sau thế kỷ XIX, từ Nam Kỳ, văn hóa Công giáo đã trở thành cây cầu nối đầu tiên để du nhập văn minh phương Tây vào nước ta (nghề in, chữ Quốc ngữ, báo chí, văn học, kiến trúc, đội ngũ trí thức Tây học lớp đầu tiên... và dần dần cho đến cả lối sống).

Nhưng cũng do những vấn nạn của lịch sử, một thời gian dài, Công giáo không những không được dễ dàng chấp nhận như trường hợp các tôn giáo ngoại nhập khác mà còn trở thành một đối tượng thuộc chính sách tôn giáo của các triều đại phong kiến, thậm chí cho đến cuối thế kỷ XIX khi thực dân Pháp đã hoàn thành việc xâm lược và bình định nước ta, và tất nhiên trong điều kiện ấy, văn hóa Công giáo càng là thứ "dị tật" cấm trên cơ thể dân tộc như các trí thức Công giáo đã nói. Cùng với thân phận của người Công giáo lúc đó, văn hóa Công giáo hoặc bị bỏ hẹp trong các cộng đồng Kitô hữu (nhất là các vùng Công giáo toàn tông) hoặc trở nên xa lạ và đối lập với văn hóa Việt Nam, trong đó điển hình bậc nhất là câu chuyện thờ cúng tổ tiên của người Công giáo<sup>8</sup>...

Có thể nói, giai đoạn từ 1945 đến 1975 khi người Công giáo Việt Nam bắt đầu lộ trình "Việt hóa đạo" và đã thu được những kết quả ban đầu của quá trình hội nhập văn hóa thì việc "hòa giải" với văn hóa dân tộc đã thực sự được đặt ra trên cả lĩnh vực thần học cũng như trong lĩnh vực đời sống tôn giáo. Tuy vậy, cho đến nay, xét cả hai phía Đạo và Đời, vấn đề khẳng định các giá trị của văn hóa Công giáo và cao hơn là vấn đề phát huy vai trò của văn hóa Công giáo trong nền văn hóa dân tộc nói chung như thế nào vẫn còn rất nhiều vấn đề phải đặt ra, thậm chí có những vấn đề mới đang ở điểm xuất phát.

Để thực hiện tốt chủ trương đổi mới về đường lối và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta như đã đề cập ở phần trên, riêng đối với vấn đề văn hóa Công giáo, chúng tôi xin được đề cập đến một số vấn đề cụ thể sau đây:

2.3.1- Trước hết, cần có sự thống nhất nhận thức về một nền "văn hóa Công giáo" ở Việt Nam.

Giới khoa học bao gồm cả các trí thức Công giáo, trong những năm gần đây qua nhiều cuộc hội thảo cũng đã đề cập đến vấn đề này từ khái niệm đến ý nghĩa thực tiễn của nhận thức đó.

Có những trí thức Công giáo cho rằng, không thể có và không cần thiết đặt vấn đề "văn hóa Công giáo" ở nước ta vì tính cách phổ quát về tôn giáo và văn hóa của đạo này. Trong một số công trình nghiên cứu, luận văn cao học, luận án tiến sĩ, có tác giả thiên về việc sử dụng khái niệm "những dấu ấn văn hóa Công giáo" ở nước ta. Mặt khác trong ngôn ngữ văn hóa học nói chung ở nước ta hiện nay, khái niệm "văn hóa Công giáo" cũng chưa phải đã quen thuộc với người đọc, thậm chí là với người cầm bút.

Theo chúng tôi, dù thế nào đây cũng là một vấn đề nhận thức cần phải được giải quyết. Người ta dễ dàng chấp nhận, rất thuận tai khi nghe nói đến một nền "văn hóa Phật giáo", thậm chí một nền văn học Phật giáo, kiến trúc Phật giáo. Trong khi đó, đứng trước một thực tại văn hóa khá đồ sộ, có những điểm rất độc đáo liên quan đến văn hóa Công giáo thì, còn đó những cái nhìn khá dè dặt.

2.3.2- Cùng với việc thống nhất nhận thức, có lẽ giới khoa học xã hội ở Việt Nam cần thiết phải sát cánh cùng với giới trí thức trong Công giáo tiến hành một cuộc kiểm kê các thành tố văn hóa Công giáo ở Việt Nam. Đây là một việc rất cần thiết mà có lẽ chính Bộ Văn hóa Thông tin trước đây đã thông qua một số vụ chức năng đã bắt đầu điều này. Hội đồng giám mục Việt Nam, Ủy ban hội nhập văn hóa những năm gần đây cũng đẩy mạnh việc sưu tầm tư liệu, thậm chí xây dựng các bảo tàng của Giáo hội và các giáo phận.

Đại thể, cần thống kê, nghiên cứu, thẩm định, hay ít nhất là một sự "định vị" bước đầu về các lĩnh vực văn hóa sau đây mà Công giáo hiện diện:

Văn hóa vật thể:

Ngoài những vấn đề đã quen thuộc như lịch sử chữ Quốc ngữ từ nửa đầu thế kỷ XVII (đến nay vẫn còn phải nhìn nhận, đánh giá thêm vai trò của các giáo sĩ nước ngoài, ai trước ai sau, tiến trình của việc chế tác và sử dụng chữ Quốc ngữ trong và ngoài đạo Công giáo trước khi nó trở thành "chữ Quốc ngữ là hồn của nước" như các sĩ phu yêu nước Đông Kinh Nghĩa Thực Kháng định đầu thế kỷ XX)<sup>9</sup>, đóng góp của Công giáo trong vấn đề ra đời báo chí và văn học hiện đại ở Nam kỳ nửa sau thế kỷ XIX, kiến trúc Công giáo... chúng ta cũng cần bắt đầu nghiên cứu nghiêm túc hơn với những vấn đề

như di sản kho tàng thư tịch Hán Nôm (Nôm đạo, Hán đạo) rất phong phú của hàng chục tác giả, hàng trăm tác phẩm không chỉ sách giáo lý, sách sáng tác để truyền đạo mà còn là sách lịch sử, địa lý, phong thổ ký, khảo cứu, văn thơ, kịch bản sân khấu... Ngoài ra, cũng cần nghiên cứu sự ra đời và phát triển đội ngũ trí thức Công giáo mà trong nhiều lĩnh vực từ nửa sau thế kỷ XIX được xem là thế hệ đầu tiên của giới trí thức Tây học với nhiều nhân vật tiêu biểu của rất nhiều ngành nghề khác nhau thuộc khoa học xã hội và nhân văn, các nhà giáo dục, văn nghệ sĩ...

Công giáo Việt Nam hiện có trên 6000 nhà thờ, nhà nguyện, trong đó có nhiều công trình rất xứng đáng được xem xét là những di sản văn hóa kiến trúc của dân tộc. Hiện nay mới chỉ duy nhất có nhà thờ đá Phát Diệm được công nhận danh hiệu như thế.

Văn hóa phi vật thể:

Lĩnh vực này có những khó khăn và "nhạy cảm", "tế nhị" hơn lĩnh vực văn hóa vật thể. Đó là, chúng ta cũng cần đẩy mạnh việc nghiên cứu, chỉnh hạn hệ thống lễ hội Công giáo. Ai cũng biết phần lễ trong loại lễ hội này rất nghiêm cẩn, có cả một hệ thống quy định cho Công giáo toàn cầu gọi là Nghi lễ Rôma. Nhưng hàng trăm năm qua, người Công giáo Việt Nam cũng đã tạo ra được những hình thức lễ hội ngày càng có sự tiếp biến và hội nhập với lễ hội dân tộc như lễ hội Múa hát dâng hoa (tháng 5 hàng năm), hướng về Đức Mẹ.

Lối sống Công giáo từ chỗ xa lạ đối lập với lối sống làng xã, thậm chí với cả lối sống thị thành của người ngoài Công giáo, đến nay có nhiều lễ hội, lối sống của người Công giáo đã tràn qua lối sống của cộng đồng dân tộc: từ ngày lễ Noel, hát Thánh ca, các hình thức sinh hoạt hội đoàn, đến lễ cưới, ngày lễ Tình yêu (Valentine)... đã được dân chúng từ Nam chí Bắc, đặc biệt là giới trẻ tiếp nhận.

Cần nói thêm rằng, những nỗ lực hội nhập văn hóa của người Công giáo Việt Nam hiện nay lại đặt ra những vấn đề mới trong quan hệ với văn hóa dân tộc mà ta không thể bỏ qua. Trước hết, phải nói đây là một xu hướng tiến bộ phù hợp với thời đại (tính hiện đại), và với dân tộc (tạo thêm một cầu nối văn hóa để người Công giáo thực hiện thuận lợi hơn đường hướng "sống Phúc Âm giữa lòng dân tộc". Nghiên cứu

nó, không chỉ là những đề tài hấp dẫn về lịch sử và văn hóa, tâm lý học và nhân học, mà còn gián tiếp thúc đẩy tích cực trong bản thân người Công giáo với những nỗ lực hội nhập văn hóa dân tộc đúng đắn.

Cũng phải nói thêm rằng, hàng chục năm trở lại đây, đường hướng hội nhập văn hóa của người Công giáo đã thu được nhiều kết quả đáng kể trên cả hai chiều kích: về mặt thần học, có vẻ như đường hướng "thần học đồng hành với dân tộc" như một nét nổi trội của một thứ "thần học Á châu" ở Việt Nam<sup>10</sup>. Nhiều trí thức Công giáo Việt Nam, các vị linh mục khi trao đổi với chúng tôi cũng chia sẻ điều này.

Về mặt đời sống tôn giáo: Giáo hội Công giáo Việt Nam đã có hàng loạt công trình "tổng kết" bước đầu về việc hội nhập văn hóa trên các lĩnh vực biên soạn sách Giáo lý, giảng thuyết Kinh thánh, sinh hoạt phụng vụ, cho đến những việc cụ thể như xây cất cơ sở thờ tự, thực hiện các lễ hội, đời sống bí tích... của người Công giáo trong bối cảnh hội nhập văn hóa.

Cũng cần nói thêm rằng, hiện nay Công giáo Việt Nam cũng như Công giáo ở Á Châu đang thực hiện ba chiến lược phục hồi và phát triển của mình. Đó là, xây dựng một "nền thần học Á Châu", trước hết là một "nền thần học giáo dân"; thực hiện công cuộc "tái truyền giáo" và thứ ba, thực hiện tiếp tục chiến lược hội nhập văn hóa Kitô giáo vào nền văn hóa bản địa.

Giáo hội Công giáo Việt Nam đã làm được nhiều việc. Riêng mục tiêu thứ ba về hội nhập văn hóa bản địa cũng có những nét riêng rất độc đáo, văn hóa vật thể cũng như phi vật thể.

#### 2.4- Đạo Tin Lành và văn hóa: những thử nghiệm bước đầu

Trước hết phải nói rằng, còn hơn cả Công giáo, tính chất phổ quát của Tin Lành còn có những biểu hiện rõ hơn, xuất phát từ những căn tính thần học của tôn giáo này.

Các mệnh đề thần học cơ bản tạo nên Tin Lành như: Chỉ có Thánh kinh, Chỉ có Ân sủng,.. đã khiến Tin Lành còn "khó khăn" hơn trong việc hội nhập với văn hóa dân tộc so với Công giáo. Nhà thần học R. Niebuhn (1894- 1862) đã đưa ra sơ đồ với 5 trạng thái phản ánh tương quan giữa Kitô giáo và văn hóa như sau:

- Thứ nhất, Đấng Christ (Thiên Chúa) đối nghịch với văn hóa.

- Thứ hai, Đấng Christ của văn hóa.

- Thứ ba, Đấng Christ trên văn hóa.
- Thứ tư, Đấng Christ tương phản với văn hóa.
- Thứ năm, Đấng Christs biến đổi văn hóa.

P. Tillich (mà chúng ta đã nhắc trên đây) tuy tán đồng với những ý kiến trên nhưng ông bổ sung và nâng cao bằng cách tạo ra một tương quan độc đáo hơn, đó là Đấng Christ chiều sâu của văn hóa<sup>11</sup>. Những quan điểm này của họ đã ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống truyền giáo cũng như lối sống tôn giáo của người Tin Lành khắp thế giới. Nói chung, đạo Tin Lành rất ít nói đến việc "hội nhập văn hóa"

Ở nước ta, đạo Tin Lành hiện nay đã trở thành một lực lượng tôn giáo và xã hội đáng kể, với số tín hữu ngót 1,4 triệu người như con số được công bố chính thức gần đây.

Trong thực tiễn phát triển, đạo Tin Lành có tính cách đột biến, ở một số khu vực như Tây Nguyên và Tây Bắc, từ cuối thập kỷ 80 trở lại đây có vấn đề gay gắt liên quan đến lĩnh vực văn hóa. Ở nhiều nơi, việc truyền giáo Tin Lành có vẻ như làm tổn hại đáng kể đến truyền thống văn hóa dân tộc: bên cạnh việc xóa bỏ nhiều hủ tục của đồng bào các dân tộc thiểu số lại thấy xu trào xóa bỏ thờ cúng tổ tiên, nhiều lễ hội, lối sống... Đã có những ý kiến cho rằng: "Tin Lành tuyên chiến với văn hóa dân tộc".

Đây là một vấn đề phức tạp chắc hẳn còn phải tiếp tục giải quyết trên nhiều chiều kích như về mặt chính trị (đảm bảo việc truyền giáo Tin Lành đúng luật pháp, chống sự lợi dụng chính trị của các thế lực thù địch), về mặt xã hội (đảm bảo sự đoàn kết dân tộc, làng bản, gia đình, họ hàng) thì về mặt văn hóa cũng đã và đang đặt ra nhiều vấn đề từ cả hai phía của Giáo hội và nhà nước.

Để có một đạo Tin Lành chân chính ở Việt Nam, chắc hẳn những người lãnh đạo các Hội thánh Tin Lành, các hệ phái Tin Lành ở Việt Nam phải nghĩ đến điều này. Dầu sao con đường hội nhập văn hóa dân tộc vẫn là tất yếu và có lợi./.

D.Q.H

### **Chú Thích:**

1- Xem bài "Sự sống thai nhi khởi đầu thế nào?", *Công giáo và Dân tộc*, số 1341, ngày 24/1/2002. Chúng tôi nghĩ rằng, hiện nay chúng ta chưa quan tâm đầy đủ đến những vấn đề khoa học- tư tưởng quan trọng và tế nhị như thế. Nhận thức chung của xã hội (thể tục vô thần chủ đạo, chính thống) dường

như vẫn giữ những nhận thức cũ, bất cập khi nhìn nhận sự "bảo thủ, mê tín" vẫn chế ngự trong các tôn giáo.

2- R. Assagioli, *Sự phát triển siêu cá nhân*, Nxb. Khoa học Xã hội, 1997, tr. 19.

3- Xem *Sociologie de la religion*, trong cuốn *Kinh tế và xã hội (économie et société)* của Max Weber, nguyên bản tiếng Pháp, Nxb. Plon, Paris, 1995.

4- Vấn đề đạo Phật có phải là quốc giáo trong thời Lý- Trần thế kỷ XI-XIII hay chưa, cho đến hiện nay vẫn có hai ý kiến: một phía cho rằng, vào thời điểm ấy Phật giáo đã là quốc giáo của Việt Nam; một phía căn cứ vào những tiêu chí về mặt tôn giáo học của khái niệm quốc giáo (religion d'Etat), thì Phật giáo lúc đó dù có vai trò rất lớn cũng chưa thể có vị trí đó theo đúng nghĩa của nó.

5- Đây là một logic còn phải nghiên cứu. Nhưng chúng tôi cũng cho rằng, đúng là trong lịch sử văn hóa của nước ta, thiếu một "bệ đỡ" như vậy, dĩ nhiên nó sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến mô hình, khuôn khổ, mức độ của các nền văn minh Việt Nam.

6- Gần đây những nghiên cứu của GS Lê Mạnh Thát, một học giả tên tuổi của giới Phật giáo về lịch sử và văn hóa Việt Nam trong buổi đầu dựng nước có liên quan đến Phật giáo cũng đã gây nên sự tranh luận. Theo chúng tôi, dù buổi đầu dựng nước những giá trị của văn hóa Phật giáo thật đáng kể (nền tảng từ những bộ kinh Phật sớm nhất của Phật giáo nước ta được phát hiện), nhưng cũng không thể xem đó như những cứ liệu để đồng nhất với lịch sử dựng nước của dân tộc.

7- Xem Thích Mãn Giác, *Đạo đức học Đông Phương*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, 2007, tr. 139- 140.

8- Qua hàng trăm năm kể từ khi Công giáo bắt đầu xuất hiện ở nước ta năm 1533, bên cạnh những cuộc "tiếp xúc văn hóa" tự nhiên giữa văn hóa Kitô giáo và văn hóa Việt Nam kể từ thời Trịnh- Nguyễn thì sự xung đột văn hóa, tôn giáo đi liền với khung cảnh chính trị xã hội luôn có vị thế lấn át. Vì thế, vấn đề dân tộc và Công giáo cũng như vấn đề hội nhập văn hóa Công giáo ở nước ta trở thành một trong những thí dụ tiêu biểu trong khu vực Đông Nam Á.

9- Chỉ nội vấn đề đánh giá vai trò của giáo sĩ De Pina (Bồ Đào Nha) và của A. de Rhodes về phương diện ngôn ngữ học trong việc khởi dựng chữ Quốc ngữ, cho đến việc đánh giá động cơ tôn giáo và chính trị của các nhân vật như thế vẫn diễn ra những cuộc tranh luận trong và ngoài nước, xem ra vẫn chưa thể tới hồi kết thúc.

10- Xem cuốn *Tương lai thần học Việt Nam*, Giáo hội Công giáo Việt Nam, xuất bản nội bộ, 2002.

11- Xem P. Tillich, *Theology of culture*, 1959, đã dẫn.